

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ Authorised Participants and Investors

1. Tên CTQLQ/Fund management Company:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ Securities code: FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

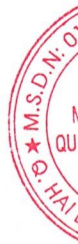
6. Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange Date: **01/06/2022**

7. Đơn vị tính/Unit: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.

**Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/**

**Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
1	TCB	1,200	4.72%
2	VPB	1,600	5.25%
3	VIC	700	5.84%
4	HPG	1,300	4.77%
5	VHM	700	5.16%
6	ACB	1,200	4.01%
7	MSN	300	3.57%
8	VNM	500	3.79%
9	MBB	1,100	3.23%
10	FPT	400	4.65%
11	STB	1,000	2.37%
12	NVL	300	2.48%
13	VCB	300	2.50%
14	MWG	200	3.07%
15	SSB	600	2.15%
16	HDB	800	2.21%
17	EIB	500	1.76%
18	TPB	500	1.71%
19	MSB	700	1.52%
20	VIB	500	1.42%
21	SSI	400	1.26%



22	VRE	500	1.60%
23	SAB	100	1.62%
24	LPB	600	0.95%
25	DGC	100	2.37%
26	CTG	400	1.18%
27	VND	500	1.34%
28	VJC	100	1.39%
29	OCB	400	0.84%
30	GAS	100	1.25%
31	KBC	200	0.94%
32	GEX	300	0.75%
33	DXG	300	0.88%
34	PNJ	100	1.22%
35	KDH	200	0.89%
36	PDR	100	0.58%
37	REE	100	0.96%
38	HSG	200	0.48%
39	VHC	100	1.09%
40	DIG	100	0.64%
41	HDG	100	0.54%
42	VPI	100	0.65%
43	VCI	100	0.41%
44	PLX	100	0.47%
45	BVH	100	0.56%
46	KDC	100	0.66%
47	POW	300	0.43%
48	NLG	100	0.51%
49	BID	100	0.37%
50	GMD	100	0.59%
51	ITA	200	0.26%
52	DPM	100	0.63%
53	VCG	100	0.29%
54	TCH	100	0.14%
55	SAM	200	0.26%
56	HCM	100	0.25%
57	SCR	100	0.14%
58	PAN	100	0.24%
59	PCI	100	0.39%
60	HPX	100	0.28%
61	GVR	100	0.27%
62	PVD	100	0.24%
63	CII	100	0.23%
64	HBC	100	0.23%

65	SBT	100	0.19%
66	DBC	100	0.28%
67	DGW	100	1.35%
68	DXS	100	0.21%
69	NKG	100	0.32%
70	PVT	100	0.23%

**Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/**

*Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:*

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND)	944,925,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND)	948,411,753
Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND)	3,486,753

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

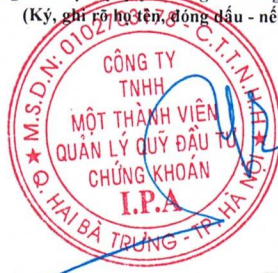
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)**

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	31,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	35,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC/ BVSC: Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-
3	FPT	109,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	55,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	27,750	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	144,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	114,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	90,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	37,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	32,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	31,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	25,250	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

**Đại diện tổ chức/Organization Representative**  
**Người được ủy quyền công bố thông tin/Persons Authorized to Disclose Information**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) (Signature, full name and seal - if any)



**Tổng giám đốc**  
**Nguyễn Hồ Nga**

